

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2019

V/v: “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thơm.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông L, sinh năm 1966

- *Bị đơn:* Bà M, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Bon U2, TT E, huyện C, tỉnh Đ.

(Ông L, bà M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông L trình bày:

Ông L và bà M sau thời gian tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới vào năm 1990, chung sống tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, lí do không đăng ký kết hôn là do ông bà không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Bon U2, TT E, huyện C, tỉnh Đ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, sức mẻ tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp về tính cách, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà M.

Về con chung: Ông L và bà M có 04 con chung tên N, sinh năm 1991; TH, sinh năm 1993; Tr, sinh năm 2000 và Tr1, sinh năm 2008. Các con chung N, Th, Tr đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà đã thỏa thuận giao con chung Tr1 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn trình bày ý kiến và tại phiên tòa bị đơn bà M trình bày:

Bà M thừa nhận về thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, quá trình sống chung không đăng ký kết hôn đúng như lời ông L trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Bon U2, TT E, huyện C, tỉnh Đ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân như ông L trình bày. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M đồng ý thống nhất với ý kiến của ông L đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L

Về con chung: Xác nhận lời trình bày của ông L, đồng ý nuôi con chung Tr1 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà M

Về con chung: Do các con chung N, Th, Tr đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét. Xét thỏa thuận giao con chung là Tr1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và được cháu Trang đồng ý nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà M không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông L và bà M chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Không công nhận

quan hệ vợ chồng”, bị đơn đang cư trú tại Bon U2, TT E, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo qui định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông L và bà M chung sống với nhau từ năm 1990, có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông và bà M, về phía bà M cũng xác nhận hiện nay tình cảm không còn, sống ly thân từ năm 2015 nên đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông L. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà M.

- *Về con chung*: Ông L và bà M xác nhận có 04 con chung N, sinh năm 1991; Th, sinh năm 1993, Tr, sinh năm 2000 và Tr1, sinh năm 2008. Các con chung N, Th, Tr đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận giao con chung Tr1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và được cháu Tr đồng ý nên HĐXX căn cứ các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con nên HĐXX không giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông L và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì ông L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 267, Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà M

Về con chung: Giao con chung Tr1, sinh ngày 03/4/2008 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng.

[2] Về án phí: Ông L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002426 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Ông L đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS Huyện C;
- UBND TT E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN THỊ TRÚC LINH

